

làm giá nhập kho, thì ngân sách trung ương xét cấp bù cho những mặt hàng thuộc trung ương quyết định giá; ngân sách địa phương xét cấp bù cho những mặt hàng thuộc địa phương quyết định giá.

Trường hợp ở các Công ty thương nghiệp được phẩm có phát sinh chênh lệch giá lúc bán ra do cơ quan có thẩm quyền thay đổi giá bán lẻ thì ngân sách Nhà nước cũng sẽ thu hoặc bù như trên.

Các Công ty thương nghiệp được phẩm phải hạch toán các khoản chênh lệch giá phải nộp ngân sách hay được ngân sách cấp bù phát sinh khi mua hàng hay khi bán hàng vào tài khoản 71 « thanh toán với ngân sách », tiểu khoản 71.3 « chênh lệch giá ».

Khi quan hệ với ngân sách Nhà nước về nộp hay xin cấp bù, các Công ty thương nghiệp được phẩm phải lập tờ khai cụ thể từng mặt hàng có số lượng, giá chỉ đạo nhập kho, giá mua thực tế, số chênh lệch giá phải nộp ngân sách hoặc được ngân sách cấp bù (theo mẫu đính kèm thông tư này)⁽¹⁾.

c) Về trích nộp lợi nhuận :

Các xí nghiệp được phẩm cũng như các Công ty thương nghiệp được phẩm ở trung ương và ở địa phương có nghĩa vụ trích nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước.

Các xí nghiệp và công ty phải lập kế hoạch lợi nhuận hàng tháng và trích nộp lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước mỗi tháng hai lần.

Lần thứ nhất trước ngày 14 phải nộp 40 % số lợi nhuận kế hoạch được duyệt.

Lần thứ hai trước ngày cuối tháng phải nộp nốt số 60 % còn lại.

Hàng tháng sau khi có báo cáo quyết toán lập theo thời hạn quy định trong chế độ báo cáo quyết toán của Nhà nước, xí nghiệp và công ty phải tính toán lại số lợi nhuận thực tế đạt được của tháng trước, đối chiếu số phải nộp và số thực nộp để nộp ngay số còn thiếu hoặc yêu cầu cơ quan thu hoàn lại số còn thừa hoặc trừ vào số phải nộp cho ngân sách trong kỳ kế tiếp.

d) Về nộp khấu hao cơ bản : Xí nghiệp công nghiệp được phẩm cũng như Công ty thương nghiệp được phẩm đều phải nộp số khấu hao cơ bản vào ngân sách Nhà nước một tháng hai kỳ.

đ) Về nộp vốn lưu động thừa (nếu có), các xí nghiệp phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện đang áp dụng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành thống nhất trong cả nước từ ngày 1 tháng 7 năm 1978.

Liên Bộ đề nghị Ủy ban nhân dân các thành phố, tỉnh chỉ đạo các Sở, Ty y tế, Sở, Ty tài

chính phối hợp hướng dẫn các xí nghiệp công nghiệp được phẩm và Công ty thương nghiệp được phẩm thực hiện đầy đủ thông tư này.

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 1978

K.T. Bộ trưởng

Bộ Tài chính

Thủ trưởng

VÕ TRÍ CAO

K.T. Bộ trưởng

Bộ Y tế

Thủ trưởng

NGUYỄN VĂN ĐÀN

BỘ NÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ SỐ 3-NN/CV/CN ngày 3-7-1978 hướng dẫn việc sử dụng 10%—15% đất cho chăn nuôi.

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ hai đã nêu rõ : « Ngoài việc hướng dẫn nông dân sử dụng tốt đất kinh tế phụ gia đình để sản xuất thức ăn gia súc, phải kiên quyết dành 10—15% diện tích trồng trọt của các hợp tác xã để sản xuất thức ăn gia súc và hình thành ở từng tỉnh, từng huyện những vùng chuyên sản xuất thức ăn gia súc ». Tiếp đó Thủ tướng Chính phủ đã có thông tư số 291-TTg ngày 19-5-1978 về việc dành từ 10 đến 15% đất để sản xuất thức ăn, phát triển chăn nuôi trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Để thực hiện tốt chủ trương này, Bộ hướng dẫn các địa phương một số vấn đề sau đây.

I. VẤN ĐỀ DÀNH ĐẤT

Dành từ 10 đến 15% đất sản xuất thức ăn chủ yếu là để phát triển chăn nuôi tập thể, tăng cường kinh tế hợp tác xã. Tỷ lệ này tính theo diện tích canh tác của từng huyện. Huyện căn cứ vào yêu cầu phân bón, trình độ và khả năng chăn nuôi của từng hợp tác xã mà quy định cụ thể tỷ lệ dành đất cho hợp lý.

Những hợp tác xã có kinh nghiệm chăn nuôi tốt, có thể dành trên 15%. Những hợp tác xã yếu kém, chăn nuôi tập thể còn ít hoặc chưa chăn nuôi thì dành đất ít hơn. Nhưng tính chung trên địa bàn huyện phải phấn đấu dành từ 10 đến 15% đất cho chăn nuôi.

Dành từ 10 đến 15% đất để sản xuất thức ăn cho chăn nuôi tập thể bao gồm chăn nuôi lợn, chăn nuôi trâu bò, gia cầm, cá và dành một phần hỗ trợ chăn nuôi gia đình. Tùy theo phương hướng sản xuất kinh doanh của từng hợp tác

(1) Không in bản mẫu

xã, ở từng vùng khác nhau mà tỷ lệ dành đất để sản xuất thức ăn cho từng loại gia súc khác nhau, hợp tác xã được phân công chuyên nuôi loại gia súc nào thì tập trung dành đất để sản xuất thức ăn cho loại gia súc đó. Nhìn chung hướng kinh doanh của các hợp tác xã vùng đồng bằng hiện nay chủ yếu là chăn nuôi lợn và gia cầm, các hợp tác xã miền núi và vùng bán sơn địa cần chú ý phát triển chăn nuôi trâu bò.

Hiện nay chiều nơi chăn nuôi tập thể còn yếu, việc quản lý, chế biến, sử dụng thức ăn còn tùy tiện, cơ sở chuồng trại và giống gia súc còn thiếu, vì vậy việc dành đất cần được thực hiện từng bước, nhưng cũng không vì thế mà dè dặt. Phải bằng mọi cách tổ chức quản lý sử dụng tốt diện tích này để tạo thế cho chăn nuôi từng bước phát triển vững chắc.

Phần đầu đến năm 1980 các huyện đồng bằng, trung du dành 15% đất, vùng núi dành 10%, vùng thâm canh lúa dành từ 18 đến 20%, vùng thực phẩm có thể dành từ 30 đến 40% đất cho chăn nuôi.

II. TỔ CHỨC SẢN XUẤT

Tổ chức sản xuất thức ăn là một vấn đề quan trọng. Tổ chức sản xuất tốt sẽ nâng cao sản lượng và chất lượng thức ăn, bảo đảm tính chất tương đối độc lập của ngành chăn nuôi. Có thể tổ chức sản xuất thức ăn theo các hình thức sau đây:

1. Dành diện tích và lao động tổ chức đội chuyên sản xuất thức ăn trong phạm vi từng hợp tác xã.

Từng hợp tác xã dành diện tích, cắt lao động thành lập đội chuyên sản xuất thức ăn. Đội chuyên này hợp đồng chặt chẽ với đội chăn nuôi và các đội chuyên khác để bố trí thời vụ gieo trồng, thời gian thu hoạch, bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp với kế hoạch chăn nuôi, dưới sự điều hành chung của ban quản trị hợp tác xã. Hình thức tổ chức đội chuyên có thể lấy lao động ở nhiều đội hoặc cắt hộ theo chòm xóm. Toàn bộ sản phẩm của đội chuyên này do đội chăn nuôi quản lý sử dụng. Lao động trong đội chuyên được phân phối sản phẩm giống như lao động ở các đội chuyên khác. Đây là hình thức tổ chức sản xuất thức ăn chủ yếu làm phổ biến trong các hợp tác xã.

2. Tổ chức hợp tác xã chuyên sản xuất thức ăn trong cụm.

Trên địa bàn huyện hiện nay hình thành những cụm kinh tế kỹ thuật gồm từ 6 đến 10

hợp tác xã với diện tích canh tác khoảng từ 2 đến 3 ngàn héc-ta, diện tích dành cho chăn nuôi có từ 300 đến 500 héc-ta. Dưới sự điều hành và phân công của huyện, các hợp tác xã hợp đồng giao cho từ một đến hai hợp tác xã có điều kiện thuận lợi chuyên trồng thức ăn. Tại đây sẽ xây dựng cơ sở chế biến thức ăn. Số thức ăn sau khi được chế biến sẽ phân phối cho các hợp tác xã trong cụm để chăn nuôi. Phần lương thực bán cho Nhà nước theo kế hoạch, các hợp tác xã khác trong cụm phải làm thay. Làm theo cách này là thể hiện sự phân công và hợp tác trong sản xuất.

3. Tổ chức vâng chuyên canh sản xuất thức ăn.

Trên phạm vi huyện, tỉnh, có những vùng đất thích hợp với việc trồng thức ăn gia súc, như vùng màu, vùng bãi ven sông. Tỉnh, huyện có thể quy hoạch phân công những hợp tác xã nằm trong vùng này chuyên canh cây thức ăn gia súc. Sản phẩm làm ra ở vùng này được chế biến thành thức ăn phân phối lại cho các hợp tác xã để chăn nuôi. Huyện và tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo và điều hành thức ăn, kế hoạch sản xuất lương thực, bảo đảm lương thực cho người, lương thực bán cho Nhà nước và thức ăn cho gia súc.

Mặt khác phải đảm bảo đường lối chính sách sự công bằng hợp lý giữa các hợp tác xã. Tổ chức sản xuất theo hình thức này là thể hiện sự tập trung, phân công và chuyên môn hóa cao để xây dựng vùng chuyên canh cây thức ăn gia súc, tiền đề của ngành chăn nuôi quy mô lớn. Tuy thế với trình độ quản lý của các hợp tác xã hiện nay, hai hình thức tổ chức hợp tác xã chuyên sản xuất thức ăn và xây dựng vùng chuyên canh chỉ nên làm thí điểm ở một số huyện có điều kiện để rút kinh nghiệm mở rộng vào các năm sau.

4. Trích sản lượng lương thực để chăn nuôi.

Trong vụ sản xuất đầu, khi chưa tổ chức được đội chuyên có thể tạm thời trích sản lượng lương thực làm thức ăn cho chăn nuôi. Sau khi đã trừ diện tích trồng rau, hợp tác xã căn cứ vào sản lượng lương thực thu được trích theo tỷ lệ diện tích còn lại, giao cho đội chăn nuôi quản lý. Đội chăn nuôi có tổ chức kho riêng để quản lý sử dụng.

5. Đối với các tỉnh phía Nam.

Ở các tỉnh phía Nam nơi nào có hợp tác xã và các tổ chức làm ăn tập thể, cần dành đất, lao động để tổ chức sản xuất thức ăn theo những hình thức trên. Trong điều kiện chưa có hợp tác xã, khi tiến hành quy hoạch sản xuất nông nghiệp, tỉnh và huyện cần chú ý hình thành

www.LawViet.com
Tel: +84-6-3846-6684 * 963-404

những vùng chuyên canh sản xuất thức ăn để cung cấp nguyên liệu cho các xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc, tạo tiền đề cho những vùng chăn nuôi lớn sau này.

III. SỬ DỤNG ĐẤT DÀNH CHO CHĂN NUÔI

Đất dành để chăn nuôi phải được sử dụng tốt, phần đất đạt yêu cầu : khối lượng thức ăn nhiều, chất lượng thức ăn tốt, phù hợp với chăn nuôi, có tác dụng bồi dưỡng và cải tạo đất. Đề đạt được yêu cầu trên, đất dành trồng thức ăn nên tập trung thành vùng, có điều kiện tưới tiêu nước, đất trồng màu có điều kiện thâm canh tăng vụ. Đối với các tỉnh miền núi và trung du ruộng ít, có thể sử dụng một nửa là đất đồi để sản xuất thức ăn, bảo đảm lương thực cho người và thức ăn gia súc. Vùng đồng bằng sản xuất thức ăn chủ yếu là để chăn nuôi lợn và gia cầm, nhưng ở những nơi trâu bò cây thiếu thức ăn, cũng cần dành một ít diện tích trồng cỏ thâm canh nuôi trâu bò. Tùy theo điều kiện bãi chăn, thả và khả năng tận dụng cỏ tự nhiên, mà huyện quy định mức cụ thể diện tích cho một trâu bò ; nói chung một trâu bò không quá 360m². Các huyện miền núi và bán sơn địa chăn nuôi trâu bò đàn thì chủ yếu trồng thức ăn cho trâu bò, nhưng những vùng thấp vẫn phải trồng thức ăn để chăn nuôi lợn và gia cầm tập thể. Trên diện tích dành cho chăn nuôi phải phần đất đạt mục tiêu : trên 1 hécta canh tác trong một năm sản xuất thức ăn tinh phải đạt từ 6 đến 10 tấn (quy ra bột khô). Trồng rau xanh 1 hécta phải đạt từ 100 đến 200 tấn. Trồng đậu đỏ 1 hécta đạt từ 2,5 đến 3 tấn. Nếu trồng cỏ phải đạt từ 80 đến 100 tấn/hécta. Đề bảo đảm mục tiêu trên, từng vùng phải lựa chọn một tập đoàn cây thức ăn thích hợp và bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý. Trong việc bố trí cơ cấu cây trồng trên đất chăn nuôi cần chú ý :

— Hiện nay nhiều nơi còn sử dụng thức ăn tinh chủ yếu là thóc mà thóc là lương thực quý. Ở những vùng có điều kiện trồng màu cần phát triển hoa màu thay cho thóc làm thức ăn gia súc, như ngô, cao lương, các loại khoai sắn. Phát triển màu thành những vùng chuyên canh lớn gắn liền với các xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc. Những vùng chuyên canh lúa có năng suất cao thì tiếp tục sản xuất lúa để đổi cho ngành lương thực lấy màu chăn nuôi.

— Rau xanh hiện nay sử dụng để chăn nuôi chủ yếu là rau trồng ruộng nước. Phải chú ý phát triển rau trên cạn, các loại cỏ hòa thảo, cây họ đậu ở vùng núi và trung du để có thể nâng cao năng suất và chất lượng thức ăn.

— Thức ăn giàu đạm cần với số lượng ít, nhưng rất quyết định trong thâm canh chăn nuôi nhất là trong điều kiện nuôi dưỡng các giống gia súc cao sản. Ngoài việc trồng các cây họ đậu thu hạt, có thể trồng các cây họ đậu thu hoạch thân, lá như Stylo, đậu hồng đào. Thân, lá cho gia súc ăn ở dạng xanh tươi hoặc bột khô. Mặt khác phải chú ý nuôi thả cá, tận dụng các nguồn hải sản chế biến thành thức ăn bổ sung đạm cho gia súc.

IV. TÒ CHỨC CHẾ BIẾN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG THỨC ĂN

1. Tò chức chế biến.

Thức ăn sản xuất trên đất dành cho chăn nuôi cần được chế biến để nâng cao giá trị dinh dưỡng. Ngành nông nghiệp ở các cấp phải phối hợp với ngành lương thực tổ chức trao đổi thức ăn giữa các hợp tác xã, các vùng để thức ăn thêm phong phú. Nên khuyến khích, giúp đỡ việc trao đổi thức ăn giữa vùng lúa và vùng màu, giữa vùng đồng bằng, trung du và miền núi, giữa vùng có khả năng sản xuất thức ăn tinh và vùng có khả năng sản xuất thức ăn giàu đạm, trong phạm vi tỉnh, huyện và các tỉnh với nhau. Những nơi trồng lúa trên đất dành cho chăn nuôi, ngành nông nghiệp và lương thực sẽ hướng dẫn đổi hoa màu lấy thóc để sử dụng lương thực cho người và thức ăn gia súc một cách hợp lý. Tỷ lệ đổi như sau : một kilôgam thóc tương đương với một kilôgam ngô, một kilôgam cao lương, một kilôgam mì nghiến, giá cả trao đổi theo giá chỉ đạo. Cuộc phí vận chuyển, chi phí nghiến hạt, ngành lương thực chịu (sẽ có thông tư liên Bộ Nông nghiệp - Lương thực thực phẩm hướng dẫn cụ thể việc đổi thóc, màu, mì).

Việc đổi thóc lấy mì, hoa màu đã chế biến để chăn nuôi cần được chỉ đạo chặt chẽ. Ủy ban nhân dân các cấp giao cho ngành nông nghiệp và lương thực tổ chức đổi, toàn bộ thóc dùng để chăn nuôi có thể chuyển ngay cho Nhà nước, nhưng đồng thời cũng phải chuyển ngay mì, hoa màu đã chế biến về cho hợp tác xã để chủ

động có thức ăn cho gia súc. Để nâng cao chất lượng thức ăn và để đảm bảo việc quản lý thức ăn cho chăn nuôi được chặt chẽ, các địa phương phải chú trọng tăng cường việc chế biến thức ăn theo lối công nghiệp. Có thể tổ chức các hình thức chế biến sau đây :

— Thành lập các cơ sở nghiền trộn thức ăn ở từng cụm hợp tác xã theo hình thức nghiền trộn gia công. Liên doanh giữa các hợp tác xã trong cụm hoặc trạm chế biến thức ăn của huyện. Nguyên liệu chủ yếu là thức ăn tinh, thức ăn giàu đạm sản xuất trên đất chăn nuôi của các hợp tác xã, ngoài ra có một số thức ăn đậm khoáng sinh cô do tinh và công ty thức ăn chăn nuôi trung ương cung cấp.

— Trên địa bàn huyện, tỉnh nếu có các xí nghiệp chế biến thức ăn do trung ương và tỉnh quản lý, có thể chế biến thức ăn cho các hợp tác xã xung quanh trên nguyên tắc hợp đồng hai chiều : mua nguyên liệu và bán sản phẩm.

Với hai hình thức trên đây trong vài năm tới cũng chưa bảo đảm chế biến hết các loại thức ăn cho hợp tác xã, do đó, từng hợp tác xã vẫn có thể trang bị các loại máy nghiền như ND-500, NB-60 để nghiền thức ăn cho chăn nuôi tập thể và chăn nuôi gia đình.

2. Quản lý và sử dụng thức ăn.

Thức ăn dành cho chăn nuôi cần được quản lý chặt chẽ và sử dụng đúng hướng để tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển.

Thức ăn dành cho chăn nuôi tập thể hợp tác xã tự quản lý và chỉ được phép dùng cho chăn nuôi. Nghiêm cấm sử dụng vào các việc khác. Huyện cần giám sát và kiểm tra chặt chẽ việc quản lý và sử dụng số thức ăn này, phát hiện và xử lý kịp thời những trường hợp sử dụng thức ăn không đúng hướng.

Trong điều kiện hiện nay, chăn nuôi gia đình cần được hỗ trợ và khuyến khích nhất là những gia đình nuôi lợn nái và đực giống. Do đó có thể trích một phần thức ăn tinh (nhưng không quá 20% sản lượng thức ăn tinh sản xuất trên đất 10 — 15%) để bán hỗ trợ cho chăn nuôi gia đình. Đối tượng hỗ trợ là những gia đình nuôi lợn nái, lợn đực giống, lợn hậu bị theo kế hoạch hợp tác xã giao, tùy theo số lượng thức ăn mà huyện, tỉnh quy định cụ thể mức bán thức ăn cho lợn con và lợn hậu bị, nói chung một kilôgam lợn con giống bán hỗ trợ không quá 1,5 kilôgam

thức ăn, một kilôgam lợn hậu bị không quá 2 kilôgam, một lợn đực giống đủ tiêu chuẩn được hỗ trợ không quá 60 kilôgam thức ăn trong một năm.

Thức ăn sản xuất trên 10 — 15% đất ngoài phần trích hỗ trợ cho chăn nuôi gia đình còn lại sử dụng cho chăn nuôi tập thể, chủ yếu là chăn nuôi lợn. Những hợp tác xã được phân công chuyên nuôi trâu bò sữa, trâu bò thịt, gà công nghiệp, vịt đàn thì có thể sử dụng một phần thức ăn cho những con đó.

Hiện nay trình độ quản lý chăn nuôi tập thể của các hợp tác xã còn yếu, một số hợp tác xã quy mô chăn nuôi còn nhỏ, chuồng trại còn thiếu. Vì vậy, trong một hai năm trước mắt chưa sử dụng hết thức ăn, hợp tác xã có thể thí điểm hợp đồng với xã viên để sản xuất thịt bán cho Nhà nước và phân bón cho hợp tác xã. Thực hiện thí điểm chăn nuôi hợp đồng cần chỉ đạo chặt chẽ. Chỉ những gia đình nào hoàn thành kế hoạch chăn nuôi của hợp tác xã đã giao và bán đủ kế hoạch thực phẩm cho Nhà nước mới được nhận hợp đồng thêm. Huyện có trách nhiệm quản lý, điều hành chung số thức ăn dành để thí điểm chăn nuôi hợp đồng và thức ăn hỗ trợ cho chăn nuôi gia đình. Số lượng thức ăn dùng để thí điểm chăn nuôi hợp đồng không được quá 30% tổng số thức ăn tinh sản xuất trên 10 — 15% đất ở những nơi có điều kiện chế biến thức ăn hỗ trợ chăn nuôi gia đình và thức ăn dùng để thí điểm hợp đồng chăn nuôi nên chế biến tập trung để vừa nâng cao chất lượng vừa quản lý chặt chẽ thức ăn. Tùy theo chất lượng thức ăn có thể giao mức thức ăn cao thấp khác nhau, nói chung một kilôgam thịt lợn hơi không giao vượt quá 4 kilôgam thức ăn tinh. Việc tổ chức và chỉ đạo thí điểm chăn nuôi hợp đồng cho gia đình xã viên cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành nông nghiệp và hội phụ nữ các cấp, thông qua các tổ kinh tế phụ gia đình. Các hợp tác xã cần phấn đấu phát triển chăn nuôi tập thể để sử dụng hết thức ăn. Trong khi áp dụng hình thức thí điểm chăn nuôi hợp đồng, nghiêm cấm giao ruộng đất cho gia đình xã viên.

V. GIAO KẾ HOẠCH CHĂN NUÔI VÀ HỢP ĐỒNG THU MUA THỰC PHẨM

Dành 10 — 15% đất sản xuất thức ăn để phát triển chăn nuôi nhằm giải quyết thực phẩm cho người, hàng hóa cho xuất khẩu và phân bón

cho thâm canh cây trồng. Với ý nghĩa đó, hợp tác xã phải xây dựng kế hoạch chăn nuôi dựa trên cơ sở nguồn thức ăn sản xuất trên đất dành cho chăn nuôi và các nguồn thức ăn tận dụng khác. Huyện cần xem xét cụ thể trình độ chăn nuôi, năng suất cây trồng, tập quán chăn nuôi của từng hợp tác xã mà phân công nuôi loại gia súc nào, quy mô bao nhiêu cho hợp lý. Trên diện tích 10 - 15 % đất sản xuất thức ăn, Nhà nước không giao kế hoạch bán lương thực mà chỉ giao kế hoạch bán thực phẩm. Nhưng sau một năm dành thêm đất để phát triển chăn nuôi, có thêm phân bón, các hợp tác xã phải thâm canh tăng năng suất cây trồng, tăng tổng sản lượng lương thực cao hơn trước. Khi giao kế hoạch chăn nuôi, huyện giao cả chỉ tiêu thu mua thực phẩm. Mức thu mua theo nghị quyết số 86-CP của Hội đồng Chính phủ, cụ thể như sau :

- Mỗi hecta ruộng năng suất dưới 4 tấn thóc, bán 460 kilôgam thịt lợn hơi ;
- Từ 4 đến 5 tấn thóc/hecta bán từ 461 đến 560 kilôgam thịt lợn hơi ;
- Từ 5 đến 6 tấn thóc/hecta bán từ 561 đến 700 kilôgam thịt lợn hơi ;
- Từ 6 tấn thóc/hecta trở lên bán từ 701 đến 800 kilôgam thịt lợn hơi.

Nếu chăn nuôi gia cầm, trâu bò sữa, trâu bò thịt thì thu mua 90 % sản phẩm kế hoạch đã giao. Ngoài ra hợp tác xã có thể bán số sản phẩm vượt kế hoạch cho Nhà nước theo giá thương.

Dành từ 10 đến 15 % đất để sản xuất thức ăn cho chăn nuôi là một chú trọng hết sức quan trọng, nhằm tạo ra nguồn thức ăn gia súc dồi dào làm cơ sở vững chắc cho chăn nuôi phát triển, tạo thế cân đối mới giữa chăn nuôi và trồng trọt.

Do đó Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, các huyện và cơ quan nông nghiệp các cấp cần có kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn các hợp tác xã thực hiện tốt chủ trương này.

Trong quá trình thực hiện ở cơ sở có những khó khăn vướng mắc cần báo cáo ngay về Bộ để kịp thời giải quyết.

Hà Nội, ngày 3 tháng 7 năm 1978

K.T. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

Thứ trưởng

NGUYỄN NGỌC TRU

BỘ VĂN HÓA

THÔNG TƯ số 83-VHTT/VP ngày 29-6 1978 hướng dẫn thi hành các luật lệ về nộp lưu chiểu văn hóa phẩm.

Chế độ lưu chiểu văn hóa phẩm hiện hành được quy định bằng các văn bản sau đây :

- Sắc lệnh số 18-SL, ngày 31-1-1946 đặt thể lệ lưu chiểu văn hóa phẩm ở Việt Nam ;
- Nghị định của Bộ Quốc gia giáo dục số 76-GDKD ngày 12-2-1946 ;
- Luật số 002-SL/L02 ngày 20-5-1957 và nghị định của Thủ tướng Chính phủ số 298-TTg ngày 9-7-1957 quy định chế độ báo chí ;
- Luật số 003-SLT ngày 18-6-1957 và nghị định của Thủ tướng Chính phủ số 275-TTg ngày 24-6-1957 quy định chế độ xuất bản.

Riêng Bộ Văn hóa còn ban hành các chỉ thị số 599-VH/CT ngày 11-6-1957 về lưu chiểu văn hóa phẩm, quyết định số 570-VH/QĐ ngày 24-10-1961 và thông tư số 67-VH/TT ngày 11-3-1963 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chế độ nộp lưu chiểu xuất bản phẩm.

Vi các luật lệ đều đã được ban hành từ lâu, số lượng lại nhiều, phần lớn các cơ quan không nắm được đầy đủ các văn bản nên đã có nhiều thiếu sót trong việc thi hành.

Vi vậy, Bộ Văn hóa và thông tin thấy cần phải trình bày một cách tổng hợp nội dung các luật lệ hiện hành về lưu chiểu văn hóa phẩm, giải thích và hướng dẫn thi hành việc nộp lưu chiểu văn hóa phẩm như sau để các cơ quan văn hóa, các cơ quan in, xí nghiệp in, xuất bản và báo chí thuộc các ngành khác chấp hành cho đúng.

I. MỤC ĐÍCH CÔNG TÁC LƯU CHIỂU VĂN HÓA PHẨM

Công tác lưu chiểu văn hóa phẩm nhằm 4 mục đích :

1. Thu nhận, đăng ký, thống kê và tàng trữ mọi loại hình ấn phẩm đã xuất bản và lưu